

Bản án số: 294/2018/HS-PT

Ngày: 17-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn

Bà Trần Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 260/2018/TLPT-HS ngày 13/8/2018, đối với bị cáo Lê Thị C về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2018/HSST, ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Thị C, sinh năm 1968 tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 03/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê N (đã chết) và bà Võ Thị N; bị cáo có chồng là Nguyễn Công T và 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/01/2018 đến ngày 25/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị C sinh năm 1968, thường trú tại Thôn H, xã HK, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chiều ngày 15/01/2018, có hai người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến nhà C và đặt vấn đề nhờ C bán giúp 10kg thuốc nổ (05 thỏi), đồng thời thỏa thuận sau khi bán được số thuốc nổ trên sẽ cho C một ít tiền mà không nói rõ bao nhiêu. Đến sáng ngày 16/01/2018, hai người đàn ông này lại đến nhà C hỏi có ai mua thuốc nổ chưa, C trả lời là chưa thì hai người này nói nếu có người hỏi mua thì họ sẽ mang thuốc nổ đến cho C và hẹn chiều cùng ngày sẽ quay lại. Trưa ngày 16/01/2018, có một người đàn ông khác (không rõ nhân thân, lai lịch) đã đến nhà C và gặp C hỏi mua 10kg thuốc nổ với giá 2.000.000 đồng, sau đó hẹn đến khoảng 18 giờ cùng ngày sẽ quay lại nhà C để mua thuốc nổ. Đến chiều ngày 16/01/2018, hai người đàn ông nhờ C bán thuốc nổ đến nhà C hỏi có ai mua thuốc nổ hay chưa, C trả lời đã có người hỏi mua thuốc nổ rồi, thì hai người đàn ông này hẹn một lát sẽ mang thuốc nổ đến và C xin thêm một ít thuốc nổ để chữa bệnh cho cây mít của nhà C thì hai người đàn ông này đồng ý. Một lúc sau hai người đàn ông này đem 05 thỏi thuốc nổ có khối lượng 10kg để trong 02 bao xác rắn và số thuốc nổ cho C để riêng trong một túi nilon khác đến cho C. Khoảng 18h00' cùng ngày, người đàn ông hỏi mua thuốc nổ cùng một người đàn ông khác đi xe máy (không rõ nhãn hiệu, biển số kiểm soát xe) đến nhà C. Khi đó người đàn ông đi cùng đứng ngoài cổng, còn người đàn ông hỏi mua thuốc nổ đi vào nhà C hỏi lấy thuốc nổ thì C yêu cầu đưa tiền trước rồi mới giao thuốc nổ. Người đàn ông hỏi mua thuốc nổ nói với C là chờ một lúc để người này đi lấy tiền. Khoảng mười lăm phút sau, người đàn ông hỏi mua thuốc nổ quay lại mang theo 01 bìa các tông và nói C bỏ thuốc nổ vào, thì C đã bỏ 05 thỏi thuốc nổ 10kg đang chứa trong 02 bao xác rắn vào thùng các tông trên. Khi C đang giao thùng các tông có chứa thuốc nổ cho người đàn ông này thì bị cơ quan Công an phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định, thu giữ 05 thỏi thuốc nổ có khối lượng là 10 kg trên, cùng 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu TCL chưa rõ tình trạng sử dụng kèm hai sim điện thoại, 01 chứng minh nhân dân số 241193xxx mang tên Lê Thị C do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/5/2007. Còn hai người đàn ông mua thuốc nổ đã bỏ chạy và chưa đưa số tiền 2.000.000 đồng như đã thỏa thuận cho C. Qua khám xét

thu giữ 01 khối hình trụ màu đen, một đầu bịt kín bằng nilon, có chiều dài 20cm, đường kính 10cm, có khối lượng 1.05kg, bên trong có chứa chất bột màu xám trắng nghi là thuốc nổ.

Tại bản kết luận giám định số 613/C54B ngày 18/01/2018 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh của Tổng cục cảnh sát kết luận: Chất bột màu trắng xám được đựng trong năm gói gửi giám định đều là thuốc nổ amonit. Thành phần chính gồm: amonít nitrát (NH_4NO_3) TNT (N -nitrotoluen) và bột gỗ. Thuốc nổ amonit là loại thuốc nổ công nghiệp thường dùng để phá đá, mở đường.

Tại bản kết luận giám định số 614/C54B ngày 22/01/2018 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh của Tổng cục cảnh sát kết luận: Chất bột màu trắng xám (ký hiệu 01) gửi giám định là thuốc nổ amonit. Thành phần chính gồm: amonít nitrát (NH_4NO_3) TNT (N -nitrotoluen) và bột gỗ. Thuốc nổ amonit là loại thuốc nổ công nghiệp thường dùng để phá đá, mở đường. Chất bột màu xám tro (ký hiệu số 02, 03 và 04) đều không phải là chất nổ. Riêng mẫu số bốn có khối lượng 0,5kg cơ quan An ninh điều tra công an tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành niêm phong để sử dụng làm mẫu giám định, đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2018/HS-ST, ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố: bị cáo Lê Thị C phạm tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Xử phạt Lê Thị C 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 16/01/2018 đến ngày 25/01/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2018, bị cáo Lê Thị C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” là có căn cứ và đúng người đúng tội, mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thị C 03 năm tù. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bào chữa gì. Bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Thị C tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ ngày 16/01/2018, khi bị cáo Lê Thị C đang có hành vi bán 10kg thuốc nổ Amonit cho hai người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang và qua khám xét thu giữ tại nhà bị cáo 1,05kg thuốc nổ Amonit, số thuốc nổ này bị cáo dùng để bán nếu có người cần mua. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị C về tội “Mua bán trái phép vật liệu nổ” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 305 của Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý vật liệu nổ của Nhà nước, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an chung của xã hội, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã thực hiện; khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; mức hình phạt 03 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội mới đảm bảo được việc cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Do đó kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, là không có căn cứ chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2018/HS-ST, ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị C 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 16/01/2018 đến ngày 25/01/2018.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HS nghiệp vụ Công an tỉnh Đ;;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Đ;;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an tỉnh Đ;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A DS Tp. B;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an Tp. B;
- Bị cáo;
- Dương sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Công Bình